

Vài nhận xét về các cuộc vận động văn hóa - xã hội ở Việt Nam trong quá trình “Cận đại hóa”

Nguyễn Thị Thanh Thủy*

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Ngày nhận bài 20/9/2018; ngày chuyển phân biên 24/9/2018; ngày nhận phân biên 19/10/2018; ngày chấp nhận đăng 24/10/2018

Tóm tắt:

Việt Nam thời cận đại đã diễn ra cuộc đụng độ và tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Đông Tây. Trong sự đụng độ và tiếp xúc đó, đã xuất hiện các cuộc vận động văn hóa - xã hội đi theo hướng “thâu hóa”, tiếp biến các yếu tố mới của văn hóa phương Tây trên cơ sở truyền thống nhằm tạo nên nền văn hóa Việt Nam hiện đại và có tính dân tộc. Với bài viết này, tác giả muốn đặt các cuộc vận động văn hóa - xã hội trong quá trình “Dân tộc hóa”, “Cận đại hóa” ở Việt Nam thời cận đại để phân tích và luận giải.

Từ khóa: cận đại hóa, dân tộc hóa, thâu hóa, tiếp biến, vận động văn hóa - xã hội.

Chỉ số phân loại: 5.10

Some remarks on social and cultural movements in Vietnam in the process of early modernization

Thi Thanh Thuy Nguyen*

Hanoi Metropolitan University

Received 20 September 2018; accepted 24 October 2018

Abstract:

Early-modern Vietnam has encountered clashes and contacts between two cultures of Eastern and Western. Among these clashes and contacts, social and cultural movements have emerged in the direction of “consolidating” and adapting the new elements of Western culture on the basis of tradition to create the Vietnamese culture with national and modern values. With this article, the author wants to analyse and explain the social and cultural movements under the perspective of “nationalisation” and “early modernization” in the early modern Vietnam.

Keywords: adapting, consolidating, early modernization, nationalize, social and cultural movements.

Classification number: 5.10

Đặt vấn đề

Sự đụng độ và tiếp xúc văn hóa Đông Tây dẫn đến quá trình chuyển biến của văn hóa - xã hội ở Việt Nam là một nội dung lớn trong lịch sử Việt Nam thời cận đại. Khi nhìn nhận các cuộc vận động văn hóa - xã hội tiêu biểu thời cận đại, có thể thấy các cuộc vận động này không chỉ nằm trong tiến trình phát triển chung của lịch sử dân tộc mà còn là một yếu tố dẫn đến sự thay đổi về chất trong quá trình phát triển của đất nước khi được đặt trong quá trình “Cận đại hóa”. Đồng thời, các cuộc vận động văn hóa - xã hội cũng là một nội dung quan trọng trong quá trình “Dân tộc hóa” của một đất nước thuộc địa. Đối với một quốc gia mất chủ quyền, khi chưa đủ điều kiện hoặc thất bại trong cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập thì cuộc đấu tranh về văn hóa, xã hội sẽ là chủ đạo trong quá trình “Dân tộc hóa”.

Do đó, bài viết này nghiên cứu về các cuộc vận động văn hóa - xã hội khi đặt các cuộc vận động đó trong hệ quy chiếu là quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa” ở Việt Nam thời cận đại, coi các cuộc vận động này như một yếu tố quan trọng của quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa” mà mục tiêu là giải phóng dân tộc và bước theo con đường văn minh tiến bộ.

Nội dung nghiên cứu

Một số khái niệm

Khi đặt sự phát triển của văn hóa và xã hội ở Việt Nam, trong đó nổi bật là các cuộc vận động văn hóa - xã hội theo xu hướng cải cách trong quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa” cần phải xem xét về các khái niệm này. Thời kỳ cận

*Email: thanhthuy@daihocthudo.edu.vn

đại ở Việt Nam đã diễn ra quá trình “Cận đại hóa” khi thực dân Pháp xâm lược (1858) và kết thúc khi Việt Nam giành lại được độc lập dân tộc (1945). “Cận đại hóa” có quan hệ gần gũi với các nội dung như “công nghiệp hóa”, “tây hóa”, “thực dân hóa” và “dân tộc hóa”.

Về “*công nghiệp hóa*” (industrialization), theo Từ điển tiếng Việt: “*Là quá trình xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân và đặc biệt trong công nghiệp, dẫn tới sự tăng nhanh trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động và nâng cao năng suất lao động*” [1]. Thành tựu của công nghiệp hóa dựa vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và đem đến sự phát triển của quốc gia cả về kinh tế và xã hội. Công nghiệp hóa chính là một nội dung quan trọng của quá trình các nước ngoài phương Tây chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây.

Quá trình các dân tộc ngoài phương Tây chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây có thể sử dụng khái niệm *Tây hóa* (westernization) được xem là quá trình mà các xã hội ngoài phương Tây chịu ảnh hưởng và tiếp nhận văn hóa phương Tây như công nghiệp, công nghệ, luật pháp, chính trị, kinh tế, lối sống, ngôn ngữ, tôn giáo, triết học và các giá trị sống. Đối với Việt Nam, quá trình *Tây hóa* diễn ra mạnh nhất từ thế kỷ XIX, khi bị xâm lược và trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Quá trình *Tây hóa* ở Việt Nam diễn ra chủ yếu bằng hình thức cưỡng bức trong chế độ thực dân. “*Thực dân hóa*” (colonization) là quá trình các nước đã đi xâm lược, thôn tính một nước khác với cộng đồng dân cư bản xứ, lập làm vùng đất thực dân, coi nước đó là thuộc địa. Việt Nam trong quá trình bị thôn tính bởi nước Pháp đã trở thành một thuộc địa khai thác, trở thành nơi thu lợi và tạo lập quyền uy, truyền bá văn hóa Pháp. “*Thực dân hóa*” và phong trào giải phóng dân tộc trở thành một nội dung trong quá trình “*Cận đại hóa*” ở Việt Nam. Trong đó chống lại “*Tây hóa*” (westernization), và “*Thực dân hóa*” (colonization) chính là “*Dân tộc hóa*” (nationalize). Tại Việt Nam, trong thời kỳ cận đại, phong trào giải phóng dân tộc, giành lại chủ quyền độc lập do Đảng Cộng sản Đông dương lãnh đạo được coi là dòng chảy chính, là yếu tố cốt lõi của quá trình chống “*Thực dân hóa*”.

Phong trào “*Dân tộc hóa*” (nationalize) là các phong trào, các cuộc vận động nhằm chuyển hóa các yếu tố ngoại sinh thành giá trị dân tộc trên các mặt tư tưởng, chính trị, văn hóa, lối sống, ngôn ngữ, tôn giáo... nhằm khẳng định và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, ý thức quốc gia - dân tộc, chống nô dịch. Với các nước mất độc lập thì một mục tiêu quan trọng nhất chính là khôi phục lại độc lập dân tộc. Tuy vậy, đối với một đất nước thuộc địa như Việt Nam, trào lưu “*Dân tộc hóa*” trong bước đi thường chọn con đường tiến hành bằng các cuộc vận động cải cách văn hóa, ngôn ngữ, cải cách xã hội, phong tục, lối sống... nhằm né tránh sự đàn áp và kiểm soát của chính quyền thực dân.

“Cận đại hóa” (early-modernization) được coi là quá trình chuyển đổi từ xã hội tiền công nghiệp sang xã hội công nghiệp giai đoạn đầu (với các nước tư bản phương Tây) hoặc có yếu tố công nghiệp (đối với các nước thuộc địa), hình thành và du nhập phương thức tư bản chủ nghĩa, định hình cơ cấu xã hội, đa dạng hóa hệ thống tinh thần, tư tưởng, văn hóa theo hướng hiện đại. Đối với các nước thuộc địa, trong quá trình “Cận đại hóa” đã xuất hiện trào lưu “*Dân tộc hóa*” bao gồm cả cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và các cuộc vận động cải cách văn hóa, xã hội, đổi mới lối sống... hoạt động công khai, có cùng một mục tiêu cứu nước.

Ảnh hưởng của văn hóa phương Tây qua các con đường du nhập và các cuộc vận động văn hóa - xã hội tiêu biểu

Tại Việt Nam thời cận đại, khi đặt các cuộc vận động văn hóa - xã hội theo hướng đổi mới trong hệ quy chiếu của trào lưu “*Dân tộc hóa*” trong quá trình “*Cận đại hóa*” kéo dài từ 1858 đến 1945 thì cần xem xét con đường du nhập và tác động đến văn hóa - xã hội Việt Nam của văn hóa phương Tây trên cơ sở đa tuyến (các con đường du nhập khác nhau sẽ có tác động khác nhau).

Con đường du nhập đầu tiên của tư tưởng dân chủ phương Tây vào Việt Nam là con đường thực dân. Người tiếp xúc văn hóa phương Tây trực tiếp từ nước Pháp thực dân và có tư tưởng duy tân sớm và toàn diện vào cuối thế kỷ XIX chính là Nguyễn Trường Tộ. Với tấm lòng yêu nước thiết tha, ông đã viết hàng loạt các bản điều trần có giá trị gửi lên triều đình, trong đó phân tích một cách khái quát sức mạnh của các nước phương Tây và đề nghị triều đình cải cách, canh tân đất nước trên cơ sở mở cửa giao lưu với bên ngoài để học hỏi, tiếp thu những yếu tố tiến bộ về khoa học kỹ thuật và tư tưởng của phương Tây. Ông chủ trương: “... *muốn giữ được nước thì phải làm cho dân giàu nước mạnh, mà phương hướng cơ bản để đi tới dân giàu nước mạnh là phải nâng cao văn hoá dân tộc*” [2]. Khái niệm văn hoá mà ông đưa ra được “*mở rộng trên nhiều lĩnh vực với ý thức canh tân mạnh mẽ, nhằm đưa đất nước lên một tầm văn hoá mới, tiếp cận văn hoá hiện đại*” [2] nhưng vẫn giữ cốt cách văn hoá dân tộc Việt Nam. Vì nhiều lý do nên tư tưởng cách tân của ông không được triều đình chấp nhận và chìm vào quên lãng. Tuy nhiên, tư duy cách tân của Nguyễn Trường Tộ là đại diện lớn nhất của trào lưu cải cách hướng về văn minh phương Tây trong bước khởi đầu cho các tư tưởng cải cách thời cận đại của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỷ XX, con đường du nhập các tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản - một nội dung quan trọng của văn hóa phương Tây giai đoạn đầu đã vào Việt Nam từ Nhật Bản và Trung Quốc thông qua con đường Tân thư, Tân văn. Lý do là ảnh hưởng của Minh trị duy tân, Fukuzawa Yukichi ở Nhật Bản, tư tưởng cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải

Siêu (cuối thế kỷ XIX), Tôn Trung Sơn (đầu thế kỷ XX) ở Trung Quốc đã có tác động sâu sắc đến tầng lớp nho sĩ cấp tiến như: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu... và được họ tiếp thu. Dù với con đường gián tiếp nhưng nội dung tư tưởng dân chủ tư sản, trong đó khái niệm về dân chủ và dân quyền đã đem đến cho những bậc thức giả ở Việt Nam tư duy mới mẻ về chính trị và xã hội, đã tỏ ra tiên bộ và có ý nghĩa tích cực. Khẩu hiệu của Cách mạng tư sản Pháp (1789) “*Tự do, bình đẳng, bác ái*” đã trở thành sức hấp dẫn của văn hóa phương Tây. Các nho sĩ dù được giáo dục theo nho giáo vẫn cảm thấy ngọn gió phương Tây đã mang đến cho họ luồng tư tưởng mới. Do lúc đó thực dân Pháp mới tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất chưa lâu nên những yếu tố tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế - xã hội của nước Việt Nam đương thời còn đang ở trạng thái phôi thai. Vì vậy, nội dung của tư tưởng dân chủ phương Tây khi vào Việt Nam còn chưa có đủ cơ sở về kinh tế - xã hội làm bệ đỡ cho nó để có thể biến thành một yếu tố nội sinh thực chất và có chiều sâu. Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các tầng lớp mới như tư sản hay trí thức Tây học còn quá non trẻ để gánh vác sứ mệnh của mình. Do đó, tư tưởng dân chủ của phương Tây trong *Tân thư*, *Tân văn* chỉ có thể được đón nhận bởi tầng lớp nho sĩ cấp tiến, bộ phận tiên bộ nhất trong tầng lớp trí thức của xã hội Việt Nam truyền thống, có tinh thần yêu nước, khát vọng học hỏi và tiếp thu cái mới. Tư tưởng học tập phương Tây, xây dựng chính thể theo mô hình phương Tây, cải cách giáo dục, văn hóa, xã hội, phát triển công thương... được các nhà nho cấp tiến Việt Nam (Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu...) tiếp thu từ *Tân thư* và tiến hành các cuộc vận động xã hội mới. Ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân mà nội dung là lật đổ phong kiến, xây dựng chế độ cộng hoà cũng khá rộng rãi ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu ở Trung Quốc, duy tân là để tự cường thì ở Việt Nam, duy tân là để cứu nước trên cơ sở học tập các yếu tố tiên bộ của văn hóa phương Tây tạo thành một nền văn hóa mới của dân tộc làm cơ sở cho sự độc lập vững bền. Tuy nhiên, hầu hết các tác phẩm *Tân thư* truyền sang Việt Nam đều là sách dịch thuật một cách giản lược của các sĩ phu Trung Hoa chứ không phải là các nguyên tác của các nhà tư tưởng phương Tây. Vì vậy, tư tưởng dân chủ phương Tây đã bị khúc xạ qua lăng kính của các sĩ phu Trung Hoa và đương nhiên các tư tưởng dân chủ phương Tây không còn trọn vẹn như trong nguyên tác. Hơn nữa, do thành phần xuất thân và ý thức hệ giai cấp chi phối, nhận thức về văn hóa, trong đó có tư tưởng dân chủ của các nho sĩ cấp tiến Việt Nam vẫn có những hạn chế nhất định khi tiếp thu văn hóa phương Tây một cách gián tiếp do rào cản ngôn ngữ.

Dù vậy, do động cơ yêu nước là bệ đỡ tinh thần, với mục tiêu cứu nước giải phóng dân tộc làm nền tảng nên lần đầu tiên các phong trào do các nho sĩ duy tân phát động đã có tính dân chủ và chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây. Tiêu biểu là phong trào Đông Du (1905-1908) do Phan Bội

Châu phát động với mục đích sang Nhật Bản học tập để về cứu nước. Phong trào Duy Tân (1904-1908) do Phan Chu Trinh đề xướng với nội dung “*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”. Phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907) do các nho sĩ tiêu biểu như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền chủ trương xây dựng một mô hình giáo dục theo phương Tây gồm giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên môn nhằm “*có ích cho mình và cho xã hội*” theo tinh thần “*thực học, thực dụng, thực nghiệp*” với mục đích “*học làm người và làm quốc dân*” mà một nội dung quan trọng là tuyên truyền nhân dân học chữ Quốc ngữ, coi chữ Quốc ngữ là *hồn dân tộc*. Các phong trào vận động cải cách văn hóa - xã hội theo hướng duy tân này đã là một cách thức mới trong con đường cứu nước và là nội dung quan trọng của quá trình “*Dân tộc hóa*”. Đặt các phong trào vận động Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực với nội dung cải cách văn hóa, giáo dục, xóa bỏ hủ tục xã hội... dựa trên bệ đỡ của tư tưởng yêu nước và trong quá trình “*Cận đại hóa*” của dân tộc có thể thấy được đây chính là nội dung của quá trình “*Dân tộc hóa*”. Với các cuộc vận động đổi mới trong văn hóa tư tưởng và hoạt động xã hội, có thể nói, các nho sĩ duy tân như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu... đã vạch một hướng đi xa hơn cho dân tộc, không chỉ duy tân để cứu nước mà cao hơn, còn là xây dựng một đất nước phú cường, hiện đại để giữ gìn một nền độc lập bền vững.

Trong tiến trình lịch sử, con đường du nhập của văn hóa phương Tây vào Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp từ nước Pháp vẫn tiếp tục sau khi đã đặt được ách cai trị ở Việt Nam. Chính quyền thực dân Pháp đã đặt nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trùm lên kinh tế phong kiến và xây dựng bộ máy cai trị dựa trên sự hợp tác tay sai của triều Nguyễn và biến Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Qua chế độ cai trị của người Pháp, ảnh hưởng rõ nét nhất của văn hóa phương Tây đối với văn hóa - xã hội Việt Nam gồm hai lĩnh vực cơ bản là giáo dục và báo chí.

Cùng với thiết chế chính trị mới, người Pháp đã thi hành các chính sách giáo dục mới kiểu phương Tây và du nhập báo chí vào Việt Nam, coi đây là biện pháp quan trọng phục vụ cho công cuộc cai trị. Mục tiêu của nền giáo dục mà người Pháp xây dựng ở Việt Nam là: chinh phục tinh thần người bản xứ, duy trì chế độ cai trị dài lâu, đào tạo tay sai, phục vụ cho công cuộc khai thác, là căn cứ để tuyên truyền “*khai hoá văn minh*” nhằm tạo dựng hình ảnh tốt đẹp của người Pháp ở Việt Nam.

Một bộ phận quan trọng chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây từ nước Pháp là trí thức Tây học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, sản phẩm của nền giáo dục Pháp - Việt và có một số lượng ít ỏi các trí thức du học tại Pháp có trình độ cao trở về Việt Nam như: Nguyễn An Ninh, Phan Anh, Hoàng Xuân Hãn... Dù nền giáo dục Pháp - Việt là nền giáo dục thuộc địa mang nặng tính vong bản, có mục tiêu đào tạo

tay sai, nhưng trong thực tế, chỉ có một số ít người cam tâm làm tay sai cho Pháp, còn đại bộ phận trí thức Tây học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX lại là một lực lượng xã hội mới đi đầu trong truyền bá văn hoá phương Tây và đóng vai trò chủ thể, lãnh đạo trong các cuộc đấu tranh vì quá trình “Dân tộc hóa” ở Việt Nam. Đây là tác động ngoài ý muốn của người Pháp khi họ xây dựng nền giáo dục thuộc địa. Bên cạnh việc giáo dục được coi là một thiết chế quan trọng trong việc phục vụ mục tiêu cai trị, báo chí và văn học cũng là một công cụ đắc lực mà thực dân Pháp quan tâm với việc phát triển các cơ quan truyền bá văn hoá theo mô hình hiện đại như báo chí, truyền thanh, điện ảnh và văn học để phổ biến rộng rãi các thành tựu của văn hoá Pháp nhằm chinh phục tinh thần người bản xứ.

Mặc dù báo chí ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX còn do người Pháp bảo trợ với mục tiêu tuyên truyền cho chế độ thực dân nhưng đặc thù của báo chí đã đem lại một không gian mới cũng như khả năng mới cho sự tồn tại tương đối độc lập và sự tác động trực tiếp đến thực tiễn xã hội của nhà báo. Với đặc điểm đó, ngay từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã xuất hiện các thể hệ những nhà báo đầu tiên, dù làm việc cho các tờ báo chịu sự bảo trợ của người Pháp nhưng đã đi đầu trong các cuộc vận động văn hóa - xã hội với mục tiêu nâng cao dân trí và xây dựng một nền văn hoá mới tiến bộ cho dân tộc Việt Nam. Có thể kể tên một số nhà báo tiêu biểu lúc khởi đầu như: Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm Đông Dương tạp chí, Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất xuất hiện nhà báo Nguyễn An Ninh ở Nam Kỳ và vào những năm 1930 là nhóm Tự lực Văn đoàn với báo Phong hóa - Ngày nay, dòng báo phụ nữ mà *Phụ nữ Tân Văn* là đại diện...

Với tư cách là chủ bút nhiều tờ báo cả tiếng Pháp và tiếng Việt, trong đó có ảnh hưởng lớn nhất là tờ *Đông Dương tạp chí* giai đoạn đầu thế kỷ XX, Nguyễn Văn Vĩnh đã đi tiên phong trong việc xây dựng một nền văn hoá mới của Việt Nam bằng cách làm báo, phát triển chữ Quốc ngữ và dịch thuật, nhằm khai dân trí, mở mang kiến thức cho người dân. Nổi bật nhất là việc tuyên truyền, dạy chữ Quốc ngữ trên báo chí với quan điểm: “*Nước Nam ta sau này hay hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ*”[3].

Ở Bắc Kỳ, năm 1917, *Nam Phong* ra đời dưới sự bảo trợ của người Pháp nhằm mục đích tuyên truyền văn minh Pháp, cắt đứt ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, là điểm tựa tinh thần cho trí thức Việt Nam, tuyên truyền cho “*Chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề*”. Phạm Quỳnh¹ được người Pháp giao cho làm chủ bút tạp chí này. Ông cùng nhóm Nam

Phong đã chọn con đường làm báo, làm văn một cách hợp pháp thông qua hợp tác với nhà cầm quyền thực dân. Trong hoàn cảnh đất nước đã mất chủ quyền, Nho học đã suy tàn và xuất hiện sự xâm nhập mạnh mẽ của văn minh phương Tây vào Việt Nam, Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong đã cổ xúy cho việc gây dựng một nền văn hoá mới. Đó là một nền văn hoá của dân tộc trên cơ sở “*kết hợp Đông Tây*”, “*thổ nạp Âu - Á*” bằng việc phát triển tiếng Việt và gây dựng nền Quốc văn mới. Theo Phạm Quỳnh, văn hoá sẽ là một sức mạnh nội lực của dân tộc để phát triển và từ đó có cơ hội giành lại chủ quyền đã mất.

Không chỉ cổ xúy, mà với tài năng văn học, ngôn ngữ, Phạm Quỳnh đã đóng góp cho nền Quốc văn bằng việc phát triển bồi đắp tiếng Việt thông qua dịch thuật, sáng tác, khảo cứu, nghiên cứu ngôn ngữ, triết học, chính trị, văn chương... đăng tải trên *Nam Phong* nhằm mở mang dân trí: “*Có thể lấy Nam Phong làm sách học mà cũng thấu thái được tạm đủ tư tưởng học thuật Đông Tây*” [4]. Những cống hiến đó đã chứng tỏ vị trí thích đáng của Phạm Quỳnh và Nam Phong tạp chí trên văn đàn và trong cuộc vận động văn hóa - xã hội trong quá trình “Dân tộc hóa”.

Nguyễn An Ninh² đã xuất bản báo *La cloche fêlée* (Chuông rè), tờ báo bằng chữ Pháp (1923-1926). Đây là tờ báo được Nguyễn An Ninh trao cho sứ mệnh là “*cơ quan tuyên truyền tư tưởng Pháp*” với khẩu hiệu “*tự do - bình đẳng - bác ái*”. Với báo *La cloche fêlée*, Nguyễn An Ninh đã tuyên bố tầm quan trọng của văn hoá: “*Dân tộc nào để cho một nền văn hoá ngoại bang ngự trị thì không thể có độc lập thực sự. Văn hoá là tâm hồn của một dân tộc*” [5]. Từ đó, Nguyễn An Ninh đã tích cực tuyên truyền cho một nền văn hoá tinh thần mới, lấy chủ nghĩa nhân văn Pháp làm cơ sở, học tư tưởng tiến bộ của phương Tây trên nền tảng truyền thống tốt đẹp của phương Đông.

Sự tự nhận thức của phụ nữ đối với vấn đề nữ quyền đã từng bước thay đổi người phụ nữ, thúc đẩy phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội để tự giải phóng thể hiện qua sự xuất hiện các tờ báo dành riêng cho phụ nữ mà đỉnh cao là tờ *Phụ nữ Tân văn* (1929-1935) với một số lượng đông đảo các cây bút nữ như *Đạm Phương*, *Cao Thị Khanh*, *Nguyễn Thị Kiêm*, *Huỳnh Lan*... Cuộc vận động nữ quyền ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đã đóng góp một bản sắc riêng vào phong trào dân chủ vì mục tiêu giải phóng con người và giải phóng xã hội qua tuyên ngôn của nữ giới về chính mình.

Nét độc đáo của cuộc vận động nữ quyền Việt Nam là tuy tiếp thu tiến bộ phương Tây nhưng không phủ định sạch trơn những giá trị truyền thống Á Đông tốt đẹp. Tuy phụ nữ phải vươn lên tham gia công tác ngoài xã hội, có “*chức*

¹Phạm Quỳnh (1892-1945) là chủ bút báo *Nam Phong* (1917-1934), được đánh giá là người am hiểu cả hai nền văn hoá Đông Tây vào đầu thế kỷ XX. Ông là người có công truyền bá văn hoá phương Tây và có đóng góp tích cực cho nền quốc văn mới của Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

²Nguyễn An Ninh (1900-1943) là nhà yêu nước, nhà báo, chủ bút tờ *La cloche fêlée* (Chuông rè).

nghiệp” nhưng không thể sao nhãng thiên chức làm vợ, làm mẹ. Bởi lẽ gia đình là một giá trị được coi trọng ở phương Đông và giá trị này có lẽ là bất biến đối với phụ nữ. Để giữ được hạnh phúc gia đình, phụ nữ vẫn phải có đủ công, dung, ngôn, hạnh, biết ứng xử có văn hoá, biết “*nữ công thực nghiệp*” để đảm đương vai trò nội tướng.

Từ năm 1930, Nguyễn Tường Tam³ và nhóm Tự lực văn đoàn đã tham gia vào phong trào Âu hóa và chọn báo chí trào phúng làm vũ khí đấu tranh chống lạc hậu, dẫn đường cho xã hội Việt Nam đi theo văn hóa Tây phương mới. Ông đã dẫn dắt tờ Phong hóa - Ngày nay trong 8 năm (1932-1940) và đã để lại những dấu ấn thông qua những bài báo chống hủ tục về tinh thần cải cách theo phương Tây trên địa hạt báo chí giai đoạn 1930-1945.

Phong hóa - Ngày nay đã sử dụng biện pháp trào phúng như một vũ khí để có thể phá cái cũ, tạo lập cái mới một cách mềm mỏng, sử dụng hình thức đấu tranh công khai, phản ánh rõ nét thực tế đời sống khốn cùng của dân quê, để từ đó đã kích bài trừ các phong tục cổ hủ lạc hậu và thói hư tật xấu của dân quê, coi đây là điểm chính yếu để cải tạo xã hội theo hướng duy tân. Phong hóa - Ngày nay với những bài báo đã phá cái cũ, tuyên truyền tư tưởng mới đã thể hiện sự quan tâm đến xã hội, đến việc khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh như tinh thần của nhà ái quốc Phan Chu Trinh đã bàn đến hồi đầu thế kỷ XX và gia nhập vào cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội bằng con đường báo chí công khai có sức lan tỏa rộng lớn trong xã hội.

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, xã hội Việt Nam đã có nhiều biến đổi về tư tưởng. Ngoài báo chí đóng vai trò tiên phong, giai đoạn này bắt đầu xuất hiện các trào lưu văn học mới mà dưới cách nhìn mới, xứng đáng được coi là một hợp phần đặc sắc của những cuộc vận động văn hóa và xã hội với mục tiêu giải phóng con người và giải phóng xã hội, đóng góp vào quá trình “Dân tộc hóa”, “Cận đại hóa”. Nổi bật là dòng văn học lãng mạn với phong trào Thơ mới và dòng văn học hiện thực phê phán. Dòng văn học lãng mạn được hình thành và phát triển năm 1932 với sự ra đời của phong trào Thơ mới. Trên cơ sở quan điểm giải phóng cá nhân, các nhà thơ nhà văn lãng mạn đã tuyên ngôn thẳng thắn quan điểm về tình yêu nam nữ, đó là con người được giải phóng phải là con người được tự do yêu đương, đây là một nhu cầu chính đáng nhất của con người. Lần đầu tiên, các tác giả của dòng văn học lãng mạn đã mô tả đến tận cùng những nhu cầu chính đáng vốn thuộc về con người mà bấy lâu nay văn học truyền thống lãng tránh và đưa ra tuyên ngôn ủng hộ quyền tự do yêu đương vượt qua chế định Nho giáo. Có ý kiến cho rằng: “*Con đường văn chương lúc bấy giờ đối với một số tiểu tư sản trí thức là một lối thoát ly trong sạch, là*

một nơi có thể gửi gắm nỗi niềm tâm sự. Không đánh Pháp, không đi theo cách mạng, vẫn có thể làm văn chương. Và theo họ, làm văn chương có lẽ cũng là một cách để tỏ rõ lòng yêu nước”[6].

Trong khi đó, trào lưu văn học hiện thực phê phán (xuất hiện từ những năm 1930) đã góp một tiếng nói có giá trị cho cuộc vận động giải phóng con người, giải phóng xã hội bằng việc miêu tả đúng cuộc sống lầm than, bi kịch của người nông dân và các tầng lớp khác trong xã hội thuộc địa để khơi gợi tinh thần quật khởi giành tự do. Các nhà văn hiện thực hiểu rằng: “*Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than vang dội lên mạnh mẽ...*” [7]. Các nhà văn với ngòi bút hiện thực đã giúp người nông dân hiểu rõ số phận cay cực của mình trong một xã hội đầy áp bức bất công để giúp họ có thêm động lực đứng lên tự giải phóng mình và cộng đồng, hướng tới một cuộc sống tự do.

Trong sự phát triển của văn hóa và xã hội Việt Nam, dưới tác động của sự du nhập văn hóa phương Tây theo con đường thực dân (nhất là từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất) cần đánh giá đúng mức vai trò của tầng lớp trí thức Tây học thời cận đại. Có thể khẳng định họ là yếu tố chủ thể của nền văn hoá mới và các phong trào cải cách xã hội, tuy được đào tạo trong nhà trường thực dân nhưng đã kế thừa di sản truyền thống của cha anh là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Vì vậy, họ đã có ý thức tiếp nhận các thành tựu văn hoá của phương Tây và tái cấu trúc lại để xây dựng một nền văn hoá độc lập của dân tộc Việt Nam theo hướng hiện đại. Các cuộc vận động văn hóa, xã hội đã chuyển hóa các yếu tố ngoại sinh thành giá trị mới của dân tộc để tạo ra hướng đi mới tiến bộ cho văn hóa dân tộc, đóng góp một cách tích cực vào quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa”.

Một vài nhận xét về các cuộc vận động văn hóa - xã hội

Thứ nhất, khi quá trình “Cận đại hóa” bắt nguồn từ sự xâm lược, bình định và khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp và di chuyển từ Nam Kỳ ra Bắc Kỳ thì quá trình xâm lược và bình định về quân sự của Pháp có ảnh hưởng rõ nét đối với sự phát triển của Việt Nam về kinh tế, chính trị (đậm tính thuộc địa). Tuy nhiên sau đó là các cuộc vận động văn hóa - xã hội đã có sự đóng góp mạnh mẽ vào trào lưu “Dân tộc hóa” trong quá trình “Cận đại hóa” ở Việt Nam.

Các cuộc vận động văn hóa - xã hội có tính dân chủ, chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây đã diễn ra cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một giai đoạn đầy biến động trong lịch sử Việt Nam. Đây thực sự là buổi giao thời giữa truyền thống và hiện đại, trong đó xu hướng tiến sang hiện đại là tất yếu của một đất nước tuy có văn minh nhưng đang bị trì trệ và lạc hậu lại bị nô dịch bởi một kẻ thù đến từ một nền văn

³Nguyễn Tường Tam (1906-1963), chủ bút tuần báo Phong hóa - Ngày nay và là người thành lập Tự Lực Văn đoàn.

minh khác giàu có và hiện đại hơn. Những cố gắng để giành lại độc lập theo phương thức cũ là đấu tranh vũ trang của các thế hệ trước dù có anh dũng nhưng cho đến cuối thế kỷ XIX cũng thể hiện rõ sự bế tắc và bất lực. Vì vậy, xu hướng thức tỉnh với các cuộc vận động văn hóa - xã hội như các phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực theo yêu cầu duy tân đổi mới do các nhà Nho cấp tiến phát động và lãnh đạo đã trở thành xu hướng thời đại ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, trong đó chứa đựng yêu cầu độc lập và yêu cầu dân chủ, tiến bộ xã hội.

Các cuộc vận động này đã có một tác động thực tiễn to lớn đối với xã hội Việt Nam lúc đó. Nó đã thổi một luồng không khí mới vào phong trào cách mạng Việt Nam khi đang khủng hoảng nặng nề về đường lối, tiếp tục xu hướng đi theo con đường giải phóng với những nấc thang mới. Người dân Việt Nam cũng lấy lại được niềm tin và tiếp tục khát vọng về một tương lai độc lập và tiến bộ của dân tộc. Các cuộc vận động Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thực với mục tiêu học tập bên ngoài để tìm đường cứu nước, “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, “thực học”, “học để làm người và làm quốc dân” như một yếu tố quan trọng của quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa” mà mục tiêu là giải phóng dân tộc và phát triển đất nước theo con đường hiện đại.

Sau các cuộc vận động về văn hóa - xã hội thành những phong trào học tập và thay đổi lối sống là các cuộc vận động trên diễn đàn báo chí. Do khu vực Nam Kỳ được “Tây hóa” sớm nhất với chế độ “trực trị” nên báo chí phát triển sớm nhất, sau đó được kích hoạt ra Bắc Kỳ với trung tâm là Hà Nội. Báo chí đã phát triển mạnh ở khu vực Nam Kỳ do được người Pháp phổ biến ngay vào cuối thế kỷ XIX, trong đó có cả hai loại hình: báo chữ Pháp và báo chữ Quốc ngữ.

Tiếp theo, báo chí và văn học (luôn gắn liền với sự phát triển của báo chí) đã khởi phát mạnh mẽ vào những năm 30 của thế kỷ XX với xu hướng phát triển các dòng báo chí theo các đề tài khác nhau như chính trị - xã hội, văn học, khoa học, phụ nữ. Các nội dung và thành tựu của báo chí và văn học đã đóng góp tích cực vào cuộc cải cách xã hội theo xu hướng “Dân tộc hóa”. Báo chí công khai trong thời kỳ này dù phải chịu sự kiểm soát của chính quyền thực dân nhưng đã dũng cảm phát động những phong trào cải cách văn hóa - xã hội. Đó là những phong trào tiếp thu những nội dung văn hóa Pháp nhưng đã thôn hóa nó và dung nạp những yếu tố tinh hoa của truyền thống dân tộc Việt, tạo ra một nền văn hóa dân tộc mới.

Tuy ở nhiều cấp độ và màu sắc khác nhau nhưng các phong trào trên đều có một nét chung là đặt cơ sở và có những đóng góp khác nhau cho cuộc giải phóng con người, giải phóng xã hội và trực tiếp hay gián tiếp hướng tới mục tiêu giải phóng đất nước. Các cuộc vận động đều dựa trên

sự biến yếu tố ngoại sinh trở thành những yếu tố nội sinh, nhằm đi theo mục tiêu chung của trào lưu “Dân tộc hóa” là giải phóng dân tộc và phát triển quốc gia theo hướng văn minh, tiến bộ.

Thứ hai, do chủ thể kiểm soát, điều khiển quá trình “Cận đại hóa” ở Việt Nam là chính quyền thực dân Pháp nên mục tiêu của “Cận đại hóa” là phục vụ cho lợi ích của nước Pháp chứ không vì sự phát triển và tiến bộ của dân tộc Việt Nam. Trong quá trình “Cận đại hóa” ở Việt Nam, do sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền thực dân đối với các phong trào cải cách văn hóa và xã hội vì mục tiêu “Dân tộc hóa” và mục tiêu khôi phục độc lập nên các phong trào cấp tiến đều bị đàn áp và khống chế, bỏ tù các nhân vật khởi xướng và lãnh đạo như phong trào như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, nhóm Đông Kinh nghĩa thực. Các tờ báo cấp tiến và có nhiều tác động tích cực đối với xã hội bị đóng cửa, rút giấy phép xuất bản (*La cloche fêlée* - Chuông rè, Phong hóa, Ngày nay...).

Thứ ba, sự kiểm soát và muốn đồng hóa về mặt văn hóa, duy trì ách thống trị vững bền của nhà cầm quyền thực dân, tức là quá trình “Thực dân hóa” và “Tây hóa” theo hình thức áp đặt là một trong những nguyên nhân dẫn đến trào lưu “Dân tộc hóa” do truyền thống yêu nước và tinh thần dân tộc. Các tư tưởng văn hóa, xã hội tiến bộ của phương Tây dù bị chính quyền thuộc địa cấm đoán nhưng trí thức Tây học (sản phẩm của giáo dục thuộc địa) đã truyền bá theo cỗ xe văn hóa - nghệ thuật mà nổi bật là diễn đàn báo chí và văn học. Đây là biểu hiện của sự đa dạng hóa hệ thống tinh thần, tư tưởng, phát triển lĩnh vực báo chí để phát triển và mở rộng dân chủ trong quá trình “Cận đại hóa” của một nước thuộc địa. Chính sự kiểm soát của chính quyền thực dân trong lĩnh vực báo chí đã dẫn đến một dòng chảy báo chí và văn học yêu nước và cách mạng phát hành bí mật mà nhà báo tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc. Sự đa dạng hóa về tư tưởng của văn hóa phương Tây xâm nhập vào Việt Nam thời cận đại đã tạo ra sự đa diện, đa màu sắc của các phong trào theo xu hướng “Dân tộc hóa”, trong đó mục tiêu giải phóng là dòng chảy xuyên suốt.

Kết luận

Quá trình “Cận đại hóa” đưa Việt Nam chuyển từ xã hội tiền công nghiệp sang xã hội có yếu tố công nghiệp giai đoạn sớm, từ kinh tế phong kiến sang kinh tế tư bản kiểu thuộc địa, từ giai đoạn đóng cửa sang giai đoạn hội nhập, dù hội nhập thông qua nước Pháp. Trong quá trình “Cận đại hóa”, thực dân Pháp luôn giữ vai trò kiểm soát mọi lĩnh vực phát triển của đất nước Việt Nam như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... nhưng vẫn có những nội dung của “Cận đại hóa” vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của chính quyền thuộc địa. Trong đó nổi bật lên là trong lĩnh vực văn hóa và xã hội tại Việt Nam được phát triển theo trào lưu “Dân tộc

hóa” của một nước thuộc địa du nhập những giá trị văn hóa phương Tây trên cơ sở chọn lọc và dung nạp những yếu tố tiến bộ ngoại sinh thành giá trị dân tộc để xây dựng một nền văn hóa mới có tính độc lập. Sự dịch chuyển về văn hóa và xã hội ở Việt Nam là khá sâu sắc dù dựa vào quá trình “Thực dân hóa” của người Pháp nhưng đã vượt qua ý muốn của người Pháp. Trong quá trình dịch chuyển theo định hướng “Dân tộc hóa”, chủ thể của các cuộc vận động cải cách văn hóa và xã hội là tầng lớp trí thức Nho học và Tây học đã chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây với những hình thức khác nhau nên các phong trào văn hóa và xã hội đã phát triển với nhiều sắc thái đa dạng. Nhưng khi các phong trào này được đặt trên một hệ quy chiếu của quá trình “Dân tộc hóa” và “Cận đại hóa” thì có thể khẳng định các phong trào văn hóa, xã hội đều nằm trong một dòng chảy chung là hướng tới giải phóng dân tộc và văn minh tiến bộ. Do hoàn cảnh lịch sử, các cuộc vận động và cải cách văn hóa - xã hội không được thực hiện một cách đầy đủ dù lý tưởng là minh triết nên sau cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tại Việt

Nam năm 1945, nhiệm vụ lịch sử của chính quyền là tiếp tục thực hiện những cuộc cải cách về văn hóa - xã hội mà trong thời kỳ cận đại chưa hoàn thành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phê (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, tr.202.
- [2] Hoàng Thanh Đạm (2001), *Nguyễn Trường Tộ, thời thế và tư duy cách tân*, Nhà xuất bản Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, tr.120,180.
- [3] Truyện Kiều (1942), Editions Alexandre de Rhodes.
- [4] Vũ Ngọc Phan (2005), *Nhà văn hiện đại, Tập 1*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tr.108.
- [5] Phan Ngọc (2006), *Sự tiếp xúc văn hoá Việt Nam với Pháp*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, tr.81.
- [6] Phan Cự Đệ (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Giáo dục, tr.20.
- [7] Phong Lê (2003), *Nam Cao - Người kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.11.